

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề gồm 02 trang)

Môn: **Toán- Lớp 4**
Thời gian: 40 phút (không kể phát đề)
Ngày kiểm tra: 30 / 12 / 2021

Họ và tên: Lớp:

Điểm	Bảng chữ	Nhận xét bài làm của học sinh

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C) đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 (0,5 điểm) : khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

a, (0,25 điểm) **Chữ số 5 ở số 503 620 thuộc hàng nào?**

A. Hàng chục nghìn B. Hàng trăm nghìn C. Hàng nghìn

b, (0,25 điểm) **Chữ số 2 trong số 73 920 có giá trị là:**

A. 2 B. 20 C. 200

Câu 2: (0,5 điểm) 2 tấn 3 tạ = ? tạ

A. 23 tạ B. 203 tạ C. 302 tạ

Câu 3: (0,5 điểm) khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C) đặt trước câu trả lời đúng:

a. Trong các số 5784; 6874; 6784 số lớn nhất là: (0,25 điểm)

A. 5785 B. 6 784 C. 6 874

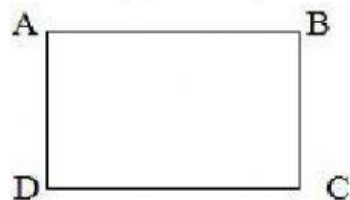
b. $200 \text{ dm}^2 = ? \text{ m}^2$ (0,25 điểm)

A. 200 m^2 B. 20 m^2 C. 2 m^2

Câu 4: (0,5 điểm) Kết quả của phép cộng : $8532 + 986 = ?$

A. 4498 B. 4489 C. 9518

Câu 5: (1,0 điểm) Cho hình chữ nhật ABCD:



a. Đoạn thẳng AB vuông góc với các đoạn thẳng và

b. Đoạn thẳng AB song song với đoạn thẳng

Câu 6: (0,5 điểm) Giá trị của biểu thức : $64 \times (36 - 6)$ là

A. 1820

B. 1920

C. 1620

Câu 7: (0,5 điểm) Đúng ghi **Đ** sai ghi **S** vào ô trống sau:

A. 1 phút 8 giây = 60 giây ☐

B. $\frac{1}{5}$ thế kỉ = 50 năm ☐

Phần II: TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 8: Đặt tính rồi tính: (2,0 điểm)

		11294 x 25	10048 : 8
45621 + 32167	96524 - 13203		
.....			
.....			
.....			

Câu 9: (1,0 điểm) Tìm X

a) $X + 567 = 987 \times 5$

b) $3570 - X = 3452$

.....
.....
.....
.....

Câu 10: (2,0 điểm) Cả khối lớp Bốn trường PTDTBT Tiểu học Nậm Pì có 68 em số học sinh nam nhiều hơn số học sinh nữ là 8 em. Hỏi có bao nhiêu học sinh nam? Bao nhiêu học sinh nữ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 11: (1,0 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a, $876 \times 85 - 876 \times 75$

b. $4978 + 1326 + 5022 + 874$

.....
.....
.....

----- Hết -----